

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HS-ST

Ngày 16 tháng 6 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Thanh;

2. Lưu Đình Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Hàn Văn Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2021/HSST – QĐ ngày 19/5/2021 đối với bị cáo:

Trịnh Văn N, sinh ngày 21 tháng 4 năm 1987 tại xã Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn G, xã Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Phùng Văn Đ (đã chết) và bà Trịnh Thị H, sinh năm 1959; có vợ là Nguyễn Thị N, sinh năm 1988 và 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/12/2020 đến ngày 19/12/2020, sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng: Bà Trần Lệ T; ông Vũ Văn K; anh Phạm Văn H và chị Tống Thị K vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04/12/2020 Trịnh Văn N đến văn phòng công chứng Trần Lệ T ở khu 5, thị trấn Kim Tân, huyện Thạch Thành làm thủ tục công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, sau đó tự ý rời đi để lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC450246 cùng bản phôi tô chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của N. Qua xem xét các giấy tờ, bà Trần Lệ T, công chứng viên nghi ngờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của N là giả nên đến ngày 08/12/2020 bà Tần đến Cơ quan Cảnh sát điều tra trình báo sự việc, giao nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các tài liệu có liên quan cho Cơ quan điều tra.

Tiếp nhận tin báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạch Thành đã tiến hành xác minh việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện B cho Trịnh Văn N; thu thập các mẫu so sánh là chữ ký của ông Nguyễn Văn D - Nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, mẫu dấu của Ủy ban nhân dân huyện B và phôi in giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 624041, gửi cùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Trịnh Văn N, số phôi 450246, cấp ngày 25/6/2019 đi giám định.

Tại Bản kết luận giám định số 33/PC09 ngày 17/12/2020 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá, xác định:

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Văn D trên mẫu cần giám định so với chữ ký trên mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra. Chữ ký trên mẫu cần giám định được làm bằng phương pháp in màu.

- Hình dấu tròn màu đỏ, nội dung: “ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN B T.THANH HOÁ” trên mẫu cần giám định so với hình dấu tròn màu đỏ có cùng nội dung trên mẫu so sánh không phải do cùng một con dấu đóng ra. Hình dấu trên mẫu cần giám định được làm bằng phương pháp in màu.

- Phôi in Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số BC 450246 so với phôi in mẫu so sánh không cùng phương pháp in. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số BC 450246 là giả, được làm bằng phương pháp in màu.

Kết quả xác minh cho thấy Ủy ban nhân dân huyện B không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Trịnh Văn N và cũng không có số phát hành giấy chứng nhận nào là BC450246; mảnh đất được ghi trong giấy chứng nhận giả của N là của bà Trịnh Thị H, mẹ của N đứng tên quyền sử dụng đất.

Sau khi biết hành vi sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả của mình bị phát giác, Trịnh Văn N đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạch Thành đầu thú. Tại Cơ quan điều tra, N khai nhận đã nhờ một người không quen biết (N liên lạc với người này qua Zalo) làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số BC 450246 đứng tên Trịnh Văn N từ trước. Ngày 04/12/2020, do cần tiền tiêu xài cá nhân nên N sử dụng giấy chứng nhận

giả nêu trên giao cho ông Vũ Văn K, sinh năm 1960, trú tại khu 5, thị trấn Kim Tân, huyện Thạch Thành, nhằm làm cho ông K tin tưởng là N có quyền sử dụng đối với mảnh đất và đồng ý đưa cho N vay số tiền 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Do ông K yêu cầu N vào văn phòng Công chứng Trần Lệ T công chứng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên khi gặp nhau, N đưa Giấy chứng nhận giả và sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân của mình cho ông K, để ông K giao cho bà Tần làm thủ tục công chứng. Sau đó, do lo sợ bị phát hiện nên N bỏ lại toàn bộ giấy tờ, rời đi khỏi Văn phòng, không tiếp tục thực hiện việc lừa lấy tiền của ông K nữa.

Cũng trong quá trình điều tra, ông Vũ Văn K, bà Trần Lệ T và chị Tống Thị K, anh Phạm Văn H là các nhân viên làm việc tại Văn phòng công chứng Trần Lệ T, đã trình bày diễn biến việc N sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả để lừa đảo, định chiếm đoạt tiền của ông K như bị cáo đã khai nhận. Ông K còn trình bày, N hỏi vay của ông 10.000.000 đồng và dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đưa cho ông để làm tin nhưng ông chưa đưa tiền cho N, khi ông được bà T thông báo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất N đưa cho ông có dấu hiệu là giả thì N đã bỏ đi khỏi văn phòng.

Đối với người được N thuê làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC450246, N khai giao dịch với người này qua tài khoản Zalo “Khổng tử”, còn N không biết nhân thân, lai lịch của người này, Cơ quan điều tra cũng đã tiến hành xác minh nhưng tài khoản Zalo Khổng Tử đã khoá nên không có căn cứ để điều tra, mở rộng vụ án.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC450246 mang tên Trịnh Văn N; 01 bản phô tô sổ hộ khẩu, 01 bản phô tô chứng minh nhân dân của Trịnh Văn N.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 cũ, đã qua sử dụng của Trịnh Văn N.

Hiện nay, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC450246 mang tên Trịnh Văn N cùng bản phô tô sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân của N đang được lưu trong hồ sơ vụ án. Còn chiếc điện thoại di động đang được bảo quản tại chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, chờ xử lý theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 17/CT-VKSTT ngày 18/3/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Trịnh Văn N về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh, và áp dụng Điều 319 Bộ luật tố tụng hình sự, rút việc truy tố hành vi của bị cáo từ điểm d khoản 2 Điều 341 xuống khoản 1 Điều 341 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn N phạm tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”, xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 cũ, đã qua sử dụng của Trịnh Văn N.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Phần tranh tụng tại phiên tòa: Bị cáo Trịnh Văn N thành khẩn nhận tội, không có ý kiến tranh luận với kiểm sát viên; Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp để có điều kiện học tập, cải tạo sớm trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thạch Thành; của điều tra viên; của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành và của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Xem xét việc rút một phần quyết định truy tố của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát rút một phần nội dung quyết định truy tố, từ việc truy tố hành vi của bị cáo theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 xuống khoản 1 Điều 341. Hội đồng xét xử thấy: Theo điểm d khoản 2 Điều 341 quy định: Người nào sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng sẽ bị truy tố theo quy định tại khoản 2 Điều 341 BLHS. Trong vụ án này, Trịnh Văn N có hành vi dùng giấy tờ giả là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số BC 450246 được N thuê làm giả trước đó để giao cho ông Vũ Văn K, nhằm làm ông Khoa tin tưởng để cho N vay tiền. Tuy nhiên khi ông K yêu cầu và cùng N đến văn phòng công chứng để công chứng tài liệu thì N lo sợ bị phát hiện nên đã để giấy tờ lại và bỏ đi. Như vậy, N đã ý thức được hành vi dùng giấy tờ giả để lừa đảo nhằm chiếm đoạt tiền của người khác là trái pháp luật nên đã dừng lại không thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của

ông K nữa. Như vậy hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” được quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành truy tố bị cáo về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 là không phù hợp. Tại phiên tòa, đại diện kiểm sát áp dụng Điều 319 của Bộ luật tố tụng hình sự, rút một phần quyết định truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 341 tuyên bố bị cáo Trịnh Văn N phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3]. Về căn cứ định tội, định khung hình phạt đối với bị cáo:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào việc kiểm sát viên rút một phần quyết định truy tố; Hội đồng xét xử thấy rằng: Có đủ cơ sở kết luận: Ngày 04/12/2020 Trịnh Văn N đã sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số BC 450246 được N thuê làm giả trước đó để giao cho ông Vũ Văn K nhằm làm ông K tin tưởng để cho N vay tiền. Tuy nhiên khi ông K yêu cầu và cùng N đến văn phòng công chứng để công chứng tài liệu thì N lo sợ bị phát hiện nên đã để giấy tờ lại và bỏ đi. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” được quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

[3]. Về tính chất vụ án: Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng do Trịnh Văn N thực hiện. Tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước. Xâm phạm sự hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính về con dấu, tài liệu. Gây ảnh hưởng xấu đến án ninh chính trị và trật tự an toàn, xã hội. Để pháp luật được tôn trọng, trật tự an toàn xã hội được duy trì; Giáo dục người phạm tội, đấu tranh phòng ngừa tội phạm, hành vi phạm tội của bị cáo phải được xử lý nghiêm minh theo quy định của Bộ luật hình sự.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã chủ động ra đầu thú; nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Từ những nhận định trên, xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của chính quyền và gia đình cũng đủ cải tạo bị cáo thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

[6]. Về vật chứng: Chiếc điện thoại Nokia 1280 là tài sản của Trịnh Văn N. N đã

sử dụng chiếc điện thoại này để gọi cho ông K nhằm thực hiện hành vi trái pháp luật. Do đó cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Văn N phạm tội: “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Văn N 12 (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trịnh Văn N cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo Điều 93 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 cũ, đã qua sử dụng của Trịnh Văn N. (Vật chứng được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19/3/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạch Thành và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá).

Về án phí:Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Điều 6, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Trịnh Văn N phải nộp200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáoTrịnh Văn N, bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Công an huyện Thạch Thành;
- Chi cục THADS Thạch Thành;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Bùi Văn Tuấn